

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày: 31-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Hoàng D, sinh năm 1984 tại Bình Dương; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lương Bạch H; tiền án: ngày 23/11/2006, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 146/2006/HSST, ngày 22/7/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 28 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 120/2011/HSST, ngày 25/7/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 144/2013/HSST, ngày 21/10/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 124/2014/HSST, ngày 13/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 18/2018/HSST; tiền sự: không; bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 09 tháng 3 năm 2023 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Lâm Nguyễn Kiều T, sinh năm 2002; hộ khẩu thường trú: ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988, nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện V, Thành phố Cần Thơ, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông Trần Phi H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi của bị cáo:

Trần Hoàng D có mối quan hệ quen biết qua mạng xã hội với Lâm Nguyễn Kiều T. Qua đó D biết được T đang có nhu cầu xin việc làm tại Khu công nghiệp B. Ngày 01/3/2023, Trần Hoàng D hẹn T đến Công ty TNHH V thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để đưa hồ sơ xin việc làm cho D. Khi T điều khiển xe mô tô biển số: 65L1-312.73 đến gặp D để đưa hồ sơ xin việc thì D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên, nên D hỏi mượn T xe mô tô trên để đi nộp hồ sơ, T đồng ý và giao xe mô tô cho D. Sau đó D điều khiển xe mô tô biển số: 65L1-312.73 đến gửi tại nhà xe Bệnh viện Đ1 và cắt liên lạc với T.

Đến ngày 04/3/2023, D đem chiếc xe mô tô trên đến xã M, huyện Đ, tỉnh Long An thì gặp ông Trần Phi H1 để cầm, nhưng do không có giấy tờ nên H1 không nhận. D nói với H1 đây là xe nhà và để quên giấy tờ, do cần tiền gấp nên xin mượn số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) của H1 và giao xe mô tô trên cho H1 giữ làm tin, vài ngày sau sẽ quay lại trả tiền và lấy xe về thì H1 đồng ý. Sau đó D đã sử dụng số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 06/3/2023, L1 Nguyễn Kiều T đến trình báo tại Đoàn Công an Khu công nghiệp B. Công an tiến hành hành kiểm tra, xác minh ban đầu và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, Trần Hoàng D đã thừa nhận hành vi nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng D đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu trên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Hoàng D đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đỏ nâu đen, biển số: 65L1-312.73, số máy: JF86E0192312, số khung: 5834KY492342 theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 08-3-2023.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã: trả lại 01 mô tô biển số 65L1-312.73 cho chủ sở hữu hợp pháp theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 01-6-2023.

Theo Bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐGTS ngày 15-3-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, số khung: 5834KY492342, số máy: JF86E0192312, màu đỏ nâu đen, biển số: 65L1-312.73, đăng ký lần đầu tháng 5/2019, Hội đồng thống nhất định giá là 15.000.000 đồng (bút lục số 59).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông H1 không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 60/CT-VKSBB ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Hoàng D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hoàng D mức án: từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông H1 không có yêu cầu gì.

Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Trần Hoàng D nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không tổng đạt kết quả điều tra cho bị hại là vi phạm Điều 232 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng D đã khai nhận: Khoảng 10 giờ ngày 01-3-2023, tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Hoàng D đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, màu đỏ nâu đen, biển số: 65L1-312.73 của bị hại, trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 01 xe mô tô biển số: 65L1-312.73, trị giá tài sản chiếm đoạt là 15.000.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Hoàng D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Đối với số tiền là 5.000.000 đồng bị cáo đã nhận của ông H1, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 01-6-2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại trả lại 01 xe mô tô biển số: 65L1-312.73 cho chủ sở hữu là ông L là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với hành vi của ông Trần Phi H1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[10] Về án phí: bị cáo Trần Hoàng D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136, các khoản 1, 2 Điều 260, khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: bị cáo Trần Hoàng D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng